

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

Thanh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thuý Phượng
2. Ông Huỳnh Văn Sức

Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-HN, ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 155/2023/QĐST-HN ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Liễu Thị Lê Q, sinh năm 1986. Nơi cư trú: tổ 10, ấp Phú Hạ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Han, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ 10, ấp Phú Hạ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NHCSXH. Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 1981 – chức vụ Phó giám đốc – Phòng giao dịch NHCSXH huyện PT. Cư trú: đường Phan Thanh Giản, khóm thị 1, TT Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có yêu cầu vắng mặt).

2. Chị Lê Thị Ngọc Ha, sinh năm 2002. Nơi cư trú: ấp Phú Hạ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Chị Lê Thị Quỳnh Nh, sinh năm 2004. Nơi cư trú: ấp 8, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Tam trú: ấp 3, xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Liễu Thị Lê Q trình bày:

Bà Q và ông Han là vợ chồng năm 2002 và đã ly hôn ngày 13/01/2022. Quá trình chung sống có tạo lập được 01 căn nhà cấp 4 gắn liền nền đất diện tích 102m², tọa lạc xã PX (lô 3, nền 71), nguồn gốc mua trả chậm giá 17.000.000 đồng, có khế ước vay tiền ngày 29/01/2007 của NHCSXH huyện PT theo Quyết định bán nền nhà ở số 2260/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02473, ngày 25/9/2015 đứng tên hộ ông Lê Văn Han và bà Liễu Thị Lê Q. Thời điểm đó, hộ khẩu gia đình gồm có vợ chồng và 02 con chung tên Lê Thị Ngọc Ha, sinh năm 2002, Lê Thị Huỳnh Nh, sinh năm 2004.

Căn nhà gắn liền nền đất là tài sản chung do vợ chồng cùng tạo lập, tiền mua nền trả chậm và xây nhà, sửa chữa nhà do vợ chồng tích lũy, các con còn nhỏ không có thu nhập, không có công sức đóng góp. Số tiền vay của NHCSXH còn nợ 6.000.000 đồng bà đã trả xong. Khi khởi kiện, yêu cầu ông Han chia đôi giá trị tạm tính 250.000.000 đồng. Quá trình hoà giải, bà Q yêu cầu nếu được nhận nhà và đất thì sẽ hoàn giá trị 90.000.000 đồng cho ông Han, phần nền đất thì sẽ tự thỏa thuận riêng với Ha, Nh. Nếu ông Han nhận nhà và đất thì phải hoàn lại giá trị 100.000.000 đồng vì bà đã đứng ra trả khoản nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Thống nhất giá trị theo biên bản định giá của Toà án, không có khiếu nại gì về giá.

Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn Han trình bày:

Tài sản bà Q yêu cầu chia đôi là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, khi ly hôn chưa phân chia. Nền đất ở 102m² do vợ chồng mua trả chậm giá 17.000.000 đồng và vay của NHCSXH 9.000.000 đồng để cất nhà ở vào năm 2006. Hộ khẩu gia đình gồm có 04 thành viên, Ha và Nh còn nhỏ, không có thu nhập, không đóng góp trong việc tạo lập tài sản nhà và đất. Quá trình hoà giải, ông Han trình bày do không có chỗ ở nào khác và chưa có tiền nên chưa phân chia tài sản cho bà Q, nếu phân chia thì nhận hiện vật và sẽ hoàn giá trị 90.000.000 đồng Nhưng trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, phần của ông và các con sẽ tự giải quyết. Thống nhất giá trị theo biên bản định giá của Toà án, không có khiếu nại gì về giá.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, đơn rút yêu cầu độc lập, NHCSXH do bà Nguyễn Ngọc Ng đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 29/01/2007, ông Han đại diện hộ gia đình vay vốn trả chậm nhà ở số tiền 9.000.000 đồng, đã trả còn nợ 6.000.000 đồng, gia hạn nợ 29/12/2021. Ngày 21/4/2017, bà Q đại diện hộ gia đình vay chương trình nước sạch số tiền

7.000.000 đồng, hạn trả 10/4/2022. Tính đến ngày 15/11/2022, tổng 02 khoản nợ là 12.920.283 đồng. Vào ngày 12/01/2023, NHCSXH có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập vì bà Q đã tắt toán xong khoản nợ trên, yêu cầu được vắng mặt đến khi kết thúc vụ án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ngọc Ha, Lê Thị Quỳnh Nh: Toà án đã triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên toà:

Bà Q xác định sẽ giao nhà và đất cho ông Han quản lý, sử dụng và chỉ yêu cầu ông Han chia giá trị bằng tiền 90.000.000 đồng và ông Han phải giao một lần. Đối với số tiền đã trả ngân Hang 6.000.000 đồng không yêu cầu ông Han trả lại. Bà có liên lạc với Ha và do bận đi làm ở xa nên Ha không đến Toà án, ý kiến của Ha không tranh chấp gì trong vụ án này. Còn Nh thì có chồng về tỉnh Cà Mau đã lâu không liên lạc, không biết địa chỉ.

Ông Han xác định nhà và đất là tài sản chung sẽ chia đôi cho bà Q theo quy định, hiện nay ông đang quản lý và đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02473 ngày 25/9/2015. Ông đồng ý nhận nhà, đất và thống nhất chia giá trị 90.000.000 đồng Nh bà Q yêu cầu, nhưng không có khả năng giao một lần mà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt 90.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Lê Thị Ngọc Ha, Lê Thị Quỳnh Nh không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của NHCSXH. Tại phiên toà, ông Han và bà Q thống nhất xác định nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng, bà Q chỉ yêu cầu chia giá trị 90.000.000 đồng, ông Han đồng ý Nhưng không có khả năng giao một lần nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q. Ông Han được quyền sử dụng diện tích đất ở 102m² và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 102m². Ông Han phải hoàn lại giá trị 90.000.000 đồng cho bà Q. Chi phí tố tụng bà Q tự nguyện chịu. Bà Q, ông Han phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Q và ông Han là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 04/6/2004, đã thuận tình ly hôn vào ngày 03/01/2022. Theo Quyết định số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2022 về phân tài sản ông Han, bà Q không yêu cầu giải quyết, nay bà Q khởi kiện yêu cầu ông Han chia tài sản, ông Han có nơi cư trú tại xã PX nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Chia tài sản sau khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị Ha, chị Nh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa Nhng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến Hanh xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[1.3] Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, NHCSXH yêu cầu ông Han, bà Q trả số tiền vay 6.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập do bà Q đã trả xong. Xét thấy, việc rút yêu cầu độc lập là tự nguyện, nên căn cứ quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của NHCSXH đối với yêu cầu ông Han, bà Q có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên thống nhất căn nhà cấp 4 tại địa chỉ tổ 10, ấp Phú Hạ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang có diện tích 85,8m² kết cấu khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch men, mái tole, nối liền phía trước là khung tiền chế sắt, vách tole, nền láng gạch men, diện tích 16,2m² có giá 292.538.000 đồng gắn liền đất ở 102m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02473 ngày 25/9/2015 có giá 51.000.000 đồng, tổng trị giá 343.538.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn Han và bà Liễu Thị Lệ Q.

[2.2] Đất ở 102m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02473 ngày 25/9/2015 cấp cho hộ ông Lê Văn Han, bà Liễu Thị Lệ Q nên Tòa án đưa hai con chung của ông Han và bà Q là chị Lê Thị Ngọc Ha và chị Lê Thị Huỳnh Nh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo Quyết định bán nền nhà ở số 2260/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 thể hiện người được mua trả chậm là ông Han và bà Q, khi đó 02 con chung là Ha (04 tuổi), Nh (02 tuổi) còn rất nhỏ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo Nhng chị Ha và chị Nh không có ý kiến, không có đơn yêu cầu độc lập về việc chia tài sản. Đất ở 102m² là đất nhà nước cấp cho Hộ gia đình trong đó có 02 con chung là chị Ha, chị Nh nhưng hai chị không có công sức đóng góp vào tài sản này nên nền đất này được xác định là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Han và bà Q.

[2.3] Tại phiên tòa, bà Q và ông Han thống nhất xác định căn nhà và đất ở là tài sản chung của bà Q và ông Han cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, thống

nhất chia đôi theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, nhưng bà Q chỉ yêu cầu chia giá trị 90.000.000 đồng. Ông Han đồng ý chia giá trị 90.000.000 đồng. Nhưng không có khả năng giao một lần cho bà Q.

[2.4] Xét thấy, bà Q đã tạo điều kiện cho ông Han nhân nhà, đất và yêu cầu nhân giá trị ít hơn so với quy định (nếu chia đôi thì giá trị tài sản là 171.769.000 đồng), do đó buộc ông Han phải có nghĩa vụ giao đủ số tiền 90.000.000 đồng cho bà Q.

[2.5] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà Q đã trả xong khoản nợ của NHCSXH và không yêu cầu ông Han thanh toán lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giao cho ông Han được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 tại địa chỉ tổ 10, ấp Phú Hạ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang có diện tích 85,8m² kết cấu khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch men, mái tole, nổi liền phía trước là khung tiền chế sắt, vách tole, nền láng gạch men, diện tích 16,2m² có giá trị 292.538.000 đồng gắn liền đất ở 102m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02473 ngày 25/9/2015 tổng trị giá 343.538.000. Ông Han phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Q số tiền 90.000.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Q tự nguyện chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.836.000 đồng (đã nộp xong).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Q phải chịu 4.500.000 đồng (90.000.000 đồng x 5%), ông Han phải chịu 12.677.000 đồng (253.538.000 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228; Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NHCSXH về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Lê Văn Han, bà Liễu Thị Lệ Q.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Liễu Thị Lệ Q về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Lê Văn Han.

Xác định căn nhà tại địa chỉ tổ 10, ấp Phú Hạ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang có diện tích 85,8m² kết cấu khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch men, mái tole, nối liền phía trước là khung tiền chế sắt, vách tole, nền lán gạch men, diện tích 16,2m² có giá trị 292.538.000 đồng gắn liền đất ở 102m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02473 ngày 25/9/2015 tổng trị giá 343.538.000 đồng là tài sản chung của ông Lê Văn Han và bà Liễu Thị Lệ Q. Tài sản chung được chia Nh sau:

Giao cho ông Lê Văn Han được sở hữu căn nhà tại địa chỉ tổ 10, ấp Phú Hạ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang có diện tích 85,8m² kết cấu khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch men, mái tole, nối liền phía trước là khung tiền chế sắt, vách tole, nền lán gạch men, diện tích 16,2m² gắn liền với đất ở 102m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02473 ngày 25/9/2015 đứng tên hộ ông Lê Văn Han, bà Liễu Thị Lệ Q.

Bà Liễu Thị Lệ Q được chia tài sản chung bằng tiền là 90.000.000 (chín mươi triệu đồng)

3. Ông Lê Văn Han phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Liễu Thị Lệ Q số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, tất cả các khoản tiền, Hàng tháng bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Han có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động đất đai của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02473 ngày 25/9/2015 từ hộ ông Lê Văn Han, bà Liễu Thị Lệ Q sang tên cá nhân ông Lê Văn Han sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn lại tiền chia tài sản chung cho bà Q.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Liễu Thị Lệ Q tự nguyện chịu 2.836.000 đồng (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Liễu Thị Lệ Q phải chịu 4.500.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005620 ngày 17/10/2022, còn lại 1.375.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) bà Q phải tiếp tục nộp tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Ông Lê Văn Han phải chịu 12.677.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự./.